

Dành cho người tiêm chủng vaccine HPV 9 (SILGARD® 9) 9 価 HPV ワクチン（シルガード® 9）を接種される方へ

Khi tiến hành tiêm chủng vaccine HPV, chúng tôi cần nắm rõ tình trạng sức khỏe của người được tiêm. Vì vậy, vui lòng đọc kỹ thông tin về vaccine HPV dưới đây. Bạn cũng vui lòng điền vào phiếu sàng lọc trước khi tiêm chủng càng chi tiết càng tốt.

HPV ワクチンの予防接種を実施するにあたって、受けられる方の健康状態をよく把握する必要があります。そのため、以下の HPV ワクチンに関する情報を必ずお読みください。また予診票にはできるだけ詳しくご記入ください。

● Đặc điểm của vaccine HPV HPV ワクチンの特徴

1. Virus gây u nhú ở người (HPV) là loại virus gây ra các tổn thương ở âm hộ hoặc âm đạo (u nội biểu mô âm hộ hoặc u nội biểu mô âm đạo), bệnh sùi mào gà, đặc biệt là ung thư cổ tử cung và các tổn thương tiền ung thư cổ tử cung. SILGARD® 9 là vaccine phòng ngừa nhiễm 9 tuýp HPV gồm HPV 6, 11, 16, 18, 31, 33, 45, 52, 58 có liên quan đến sự phát triển ung thư cổ tử cung và các tổn thương tiền ung thư cổ tử cung, u nội biểu mô âm hộ, u nội biểu mô âm đạo, bệnh sùi mào gà.
 2. Dù đã tiêm SILGARD® 9, nhưng cũng không thể kỳ vọng hoàn toàn vào hiệu quả phòng ngừa nhiễm HPV các tuýp khác và sự phát triển tổn thương do chúng gây ra. Ngoài ra, đối với người đang bị nhiễm những tuýp HPV này, dù có tiêm SILGARD® 9 thì cũng không thể loại bỏ virus, hay làm chậm sự tiến triển của ung thư cổ tử cung hoặc các tổn thương tiền ung thư, v.v... đang phát triển, cũng như không thể dùng để điều trị.
 3. Trường hợp đang bị nhiễm một trong những tuýp HPV có trong vaccine tại thời điểm tiêm SILGARD® 9, thì vaccine sẽ không có hiệu quả phòng ngừa đối với tuýp HPV đó, tuy nhiên, vì khả năng nhiễm đồng thời tất cả các tuýp HPV này khá thấp, nên ngay cả khi đang nhiễm 1 tuýp HPV nào đó, thì vẫn có thể phòng ngừa những tuýp HPV khác.
 4. Việc tiêm SILGARD® 9 trong giai đoạn 10 đến 14 tuổi khi nguy cơ nhiễm HPV còn thấp có thể giúp phòng ngừa hiệu quả hơn sự phát triển ung thư cổ tử cung và các tổn thương tiền ung thư cổ tử cung, u nội biểu mô âm hộ, u nội biểu mô âm đạo, bệnh sùi mào gà do những tuýp HPV có trong vaccine.
 5. Thời gian duy trì hiệu quả phòng ngừa vẫn chưa được xác định (*Kết quả thử nghiệm theo dõi với SILGARD® 9 trong 10 năm sau khi tiêm 3 mũi đã được báo cáo, và hiệu quả phòng ngừa được xác nhận kéo dài trong khoảng thời gian đó).
1. ヒトパピローマウイルス（HPV）は、子宮頸がんおよびその前がん病変をはじめ、外陰や膣に発症する病変（外陰上皮内腫瘍や膣上皮内腫瘍）、尖圭コンジローマを引き起こすウイルスです。シルガード®9は、子宮頸がんおよびその前がん病変、外陰上皮内腫瘍、膣上皮内腫瘍、尖圭コンジローマの発症に関係しているHPV6、11、16、18、31、33、45、52、58型の9つのHPV型の感染を予防するワクチンです。
 2. シルガード®9を接種しても、これらの型以外のHPV感染および病変発症の予防効果は期待できません。また、すでにこれらのHPV型に感染している人に対してシルガード®9を接種しても、ウイルスを排除したり、発症している子宮頸がんや前がん病変などの進行を遅らせたり、治療することはできません。
 3. シルガード®9の接種時にワクチンに含まれるいずれかのHPV型に感染している場合、そのHPV型に対する予防効果は期待できませんが、これらすべてのHPV型に感染している可能性は低いため、1つの型のHPVに感染している場合でも他の型のHPVに対する予防効果は期待できます。
 4. HPVに感染する機会が少ない10代前半にシルガード®9を接種することで、ワクチンに含まれるHPV型による子宮頸がんおよびその前がん病変、外陰上皮内腫瘍、膣上皮内腫瘍、尖圭コンジローマの発症をより効果的に予防することができます。
 5. 予防効果の持続期間は確立していません（※シルガード®9で3回接種後10年間までの追跡試験結果が報告されており、その期間までは予防効果の持続が確認されています）。

● Những đối tượng cần tham khảo ý kiến của bác sĩ trước khi tiêm chủng 次の方は接種前に医師にご相談ください

1. Người mắc chứng giảm tiểu cầu hoặc rối loạn đông máu.
 2. Người có bệnh nền như các bệnh về tim mạch, thận, gan, bệnh về máu, rối loạn phát triển, v.v...
 3. Người trước đây từng bị sốt trong vòng 2 ngày hoặc có các triệu chứng nghi ngờ dị ứng như phát ban toàn thân, v.v... sau khi tiêm chủng dự phòng.
 4. Người có tiền sử bị co giật.
 5. Người trước đây từng được phát hiện có bất thường về tình trạng miễn dịch, hoặc người có người thân được chẩn đoán mắc hội chứng suy giảm miễn dịch bẩm sinh.
 6. Người có nguy cơ bị dị ứng với các thành phần trong SILGARD® 9.
 7. Phụ nữ mang thai hoặc có thể đang mang thai, phụ nữ đang cho con bú.
 8. Người đã từng tiêm chủng vaccine HPV khác.
1. 血小板減少症や凝固障害を有する方。
 2. 心臓血管系疾患、腎臓疾患、肝臓疾患、血液疾患、発育障害などの基礎疾患のある方。
 3. 過去に予防接種で接種後2日以内に発熱、全身性発しんなどのアレルギーを疑う症状のみられた方。
 4. 過去にけいれん（ひきつけ）をおこしたことがある方。
 5. 過去に免疫状態の異常を指摘されたことのある方もしくは先天性免疫不全症と診断された近親者がいる方。
 6. シルガード®9の成分によって、アレルギーの症状がみられる可能性のある方。
 7. 妊婦あるいは妊娠している可能性のある方もしくは、現在、授乳中の方。
 8. 他のHPVワクチンの接種を受けたことがある方。

● Các lưu ý khi tiêm chủng vaccine SILGARD® 9 シルガード®9接種にあたっての注意点

1. Vaccine SILGARD® 9 dành cho nữ từ 9 tuổi trở lên.
 2. Vaccine SILGARD® 9 thường được tiêm vào bắp tay theo phác đồ một mũi tiêm ban đầu (mũi thứ 1), một mũi tiêm vào 2 tháng sau (mũi thứ 2), một mũi tiêm vào 6 tháng sau (mũi thứ 3).
 3. Nữ từ 9 đến dưới 15 tuổi có thể chọn cách tiêm tổng cộng 2 mũi với mũi thứ 2 cách mũi tiêm đầu tiên từ 6 đến 12 tháng để hoàn tất phác đồ. Vui lòng trao đổi trước với bác sĩ về số lần và thời gian tiêm chủng.
 4. Cần tiêm đủ 2 hoặc 3 mũi vaccine SILGARD® 9 để đạt được hiệu quả phòng ngừa tốt nhất.
 5. Trường hợp đã tiêm SILGARD® 9 ở mũi thứ 1, hãy tiếp tục tiêm SILGARD® 9 cho mũi thứ 2 trở về sau. Hiệu quả phòng ngừa khi tiêm chủng vaccine khác cho mũi thứ 2 trở về sau vẫn chưa được xác nhận.
 6. Trường hợp phụ nữ mang thai trong khoảng thời gian chuẩn bị tiêm mũi 2 hoặc mũi 3 thì nên hoãn việc tiêm và tham khảo ý kiến bác sĩ về việc tiếp tục tiêm sau đó.
1. シルガード®9の接種対象者は9歳以上の女性です。
 2. シルガード®9は初回接種（1回目）、2ヵ月後（2回目）、6ヵ月後（3回目）に、通常、腕の筋肉内に接種します。
 3. 9歳以上15歳未満の女性は、初回接種から6～12ヵ月の間隔を置いた合計2回の接種で完了する方法を選択できます。事前に接種回数と時期について医師にご相談ください。
 4. シルガード®9の十分な予防効果を得るためには2回または3回接種する必要があります。
 5. 1回目にシルガード®9を接種した場合は、2回目以降もシルガード®9を使用してください。2回目以降で他のワクチンを接種した場合の予防効果は確認されていません。
 6. 2回または3回の接種の途中で妊娠した場合には、接種を見合わせ、その後の接種については医師にご相談ください。

● Về phản ứng phụ của vaccine HPV
HPVワクチンの副反応について

1. Các phản ứng phụ thường gặp được cho là có liên quan đến việc tiêm SILGARD®9 được liệt kê trong bảng dưới đây.

1. シルガード®9の接種と関連性があると考えられた主な副反応は以下のとおりです。

Tần suất từ 10% trở lên 頻度 10%以上	Đau đầu, đau/sung/dô tại vị trí tiêm 頭痛、注射部位の痛み・腫れ・赤み
Tần suất 1 ~ 10% 頻度 1~10%未満	Chóng mặt khiến cơ thể loạng choạng, đau họng, buồn nôn (nôn, ợ nóng, dạ dày cồn cào), tiêu chảy, ngứa/xuất huyết nội/nổi cục u tại vị trí tiêm, sốt, kiệt sức 体がふらつくめまい、のどの痛み、悪心（吐き気や胸やけ、胃がむかむかする）、下痢、注射部位のかゆみ・内出血・しこり、発熱、疲れ
Tần suất 0,5 ~ 1% 頻度 0.5~1%未満	Viêm mũi họng, cúm, nôn mửa, đau vùng thượng vị, đau bụng, đau cơ, đau khớp, xuất huyết/tụ máu/nóng/chai cứng/giảm cảm giác tại vị trí tiêm, phản ứng tại vị trí tiêm, mệt mỏi, nhược cơ (sụp mí mắt, nhìn đôi, v.v...) 上咽頭炎、インフルエンザ、おう吐、上腹部痛、腹痛、筋肉痛、関節の痛み、注射部位の出血・血腫・熱っぽさ・硬結・知覚低下、注射部位反応、だるさ、無力症（まぶたが下がる、物がだぶって見えるなど）
Tần suất không rõ ràng 頻度不明	Viêm mô tế bào (sung dô kèm theo đau và nóng cục bộ trên da), sung/dau hạch bạch huyết, giảm cảm giác, ngứa, đau tay chân, ớn lạnh, mất cảm giác tại vị trí tiêm 蜂巣炎（皮ふ局所の痛みと熱を伴った赤い腫れ）、リンパ節の腫れ・痛み、感覚の低下、気を失う、手足の痛み、寒気、注射部位の知覚消失

2. Có thể xuất hiện phản ứng quá mẫn (sốc phản vệ <khó thở, sưng tấy xung quanh mắt và môi, v.v...>, co thắt phế quản <khó thở kịch phát>, nổi mề đay, v.v...), hội chứng Guillain - Barre (tê liệt hai chân từ dưới lên), xuất huyết giảm tiểu cầu (chảy máu cam, chảy máu nướu răng, tăng lượng máu kinh, v.v...), viêm não tủy rải rác cấp tính (tê liệt, rối loạn cảm giác, rối loạn vận động, v.v...). Nếu nghi ngờ có bất kỳ triệu chứng nào trong số này, hãy thăm khám ngay với bác sĩ.

3. Trường hợp dù đã tiêm vaccine SILGARD®9 đúng liều lượng nhưng vẫn bị tổn hại đến sức khỏe, thì tùy theo tình trạng và mức độ tổn thương, người tiêm chủng có thể được nhận các khoản chi phí điều trị, v.v... theo “Hệ thống hỗ trợ tổn hại do tác dụng phụ của dược phẩm” sau khi được thông qua tại Hội đồng An toàn Vệ sinh Dược phẩm và Thực phẩm. Vui lòng truy cập trang web của Cơ quan Dược phẩm và Thiết bị y tế Nhật Bản để biết thêm chi tiết.

2. 過敏症反応（アナフィラキシー〈呼吸困難、目や唇のまわりの腫れなど〉、気管支痙攣〈発作的な息切れ〉、じんましんなど）、ギラン・バレー症候群（下から上に向かう両足のまひ）、血小板減少性紫斑病（鼻血、歯ぐきの出血、月経出血の増加など）、急性散在性脳脊髄炎（まひ、知覚障害、運動障害など）があらわれることがあります。このような症状が疑われた場合は、すぐに医師に申し出てください。

3. シルガード®9を適正に接種したにもかかわらず、健康被害が発生した場合には、その内容、程度に応じて薬事・食品衛生審議会での審議を経て「医薬品副作用被害救済制度」により治療費などが受けられる場合があります。詳しくは、独立行政法人医薬品医療機器総合機構のホームページをご覧ください。

● Những đối tượng không thể tiêm chủng
次の方は接種を受けることができません

1. Người có biểu hiện sốt rõ ràng (thường là trên 37,5°C).
2. Người mắc bệnh cấp tính nghiêm trọng.
3. Người từng bị mẫn cảm (bao gồm các phản ứng dị ứng nghiêm trọng thường xảy ra trong vòng 30 phút sau khi tiêm, chẳng hạn như khó thở, nổi mề đay toàn thân, v.v...) với các thành phần trong vaccine SILGARD®9 (vui lòng hỏi bác sĩ để biết chi tiết).
4. Những đối tượng khác được bác sĩ gia đình khuyên không nên tiêm chủng dự phòng.
 1. 明らかに発熱している方（通常は37.5℃を超える場合）。
 2. 重い急性疾患にかかっている方。
 3. シルガード®9の成分（詳しくは医師にお尋ねください）によって、過敏症（通常接種後30分以内に出現する呼吸困難や全身性のじんましんなどを伴う重いアレルギー反応を含む）をおこしたことがある方。
 4. その他、かかりつけの医師に予防接種を受けないほうがよいと言われた方。

● Các lưu ý sau khi tiêm chủng vaccine SILGARD® 9 シルガード® 9 接種後の注意

1. Sau khi tiêm, không chà xát mạnh mà chỉ nên ấn nhẹ ở vị trí tiêm.
 2. Sau khi tiêm vaccine SILGARD® 9, người tiêm chủng có thể ngất xỉu do sợ hãi, đau, v.v... khi tiêm. Để tránh bị ngất xỉu và té ngã, không nên về nhà ngay sau khi tiêm, hãy ngồi nghỉ ngơi tại cơ sở y tế nơi bạn tiêm chủng trong khoảng 30 phút để đảm bảo có thể liên hệ ngay với bác sĩ.
 3. Sau khi tiêm vaccine SILGARD® 9, vị trí tiêm có thể bị sưng hoặc đau, đây là do sức đề kháng trong cơ thể nhận diện các thành phần đã tiêm vào cơ thể là chất lạ. Triệu chứng này thường sẽ khỏi sau khoảng vài ngày.
 4. Sau khi tiêm chủng, hãy giữ sạch sẽ cho vị trí tiêm.
 5. Hạn chế vận động mạnh trong ngày tiêm chủng.
 6. Có thể tắm bình thường vào ngày tiêm chủng.
 7. Hãy lưu ý tình trạng sức khỏe trong 1 tuần sau khi tiêm chủng và thăm khám ngay với bác sĩ nếu có bất kỳ triệu chứng nào khiến bạn lo lắng.
 8. Ngay cả sau khi tiêm chủng vaccine HPV, vẫn phải thực hiện tầm soát ung thư cổ tử cung để phát hiện và điều trị sớm các tổn thương do những tuýp virus HPV khác mà vaccine không thể phòng ngừa. Sau 20 tuổi, hãy thực hiện tầm soát ung thư cổ tử cung định kỳ.
1. 接種後は強く揉まず、軽く押さえる程度にとどめてください。
 2. シルガード®9 接種後に、注射による恐怖、痛みなどが原因で、気を失うことがあります。気を失って転倒してしまうことをさけるため、接種後すぐに帰宅せず、30分程度は接種した医療機関で座って安静にし、医師とすぐに連絡がとれるようにしておいてください。
 3. シルガード®9 を接種した後に、注射した部位が腫れたり、痛むことがあります。これは、体内に備わっている抵抗力が注射した成分を異物として認識するためにおこります。通常は数日間程度で治まります。
 4. 接種後は、接種部位を清潔に保ってください。
 5. 接種当日は、過激な運動を控えてください。
 6. 接種した日の入浴は問題ありません。
 7. 接種後1週間は体調に注意し、気になる症状があるときは医師にご相談ください。
 8. HPVワクチンを接種した後も、ワクチンでは予防できない型のHPVによる病変を早期に発見して早期に治療するために、子宮頸がん検診の受診が必要です。20歳を過ぎたら定期的に子宮頸がん検診を受けましょう。